**Phụ lục II**

**DANH MỤC MẪU BIỂU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC*

*ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

| **Số TT** | **Tên mẫu biểu** | **Mẫu số** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **Hồ sơ của người nộp thuế gửi cơ quan thuế** | |
| **I** | **Hồ sơ Đăng ký thuế** | |
| 1 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức) | 01-ĐK-TCT |
| 1.1 | Bảng kê các công ty con, công ty thành viên | BK01-ĐK-TCT |
| 1.2 | Bảng kê các đơn vị phụ thuộc | BK02-ĐK-TCT |
| 1.3 | Bảng kê địa điểm kinh doanh | BK03-ĐK-TCT |
| 1.4 | Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài | BK04-ĐK-TCT |
| 1.5 | Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí | BK05-ĐK-TCT |
| 1.6 | Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân | BK06-ĐK-TCT |
| 2 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế) | 02-ĐK-TCT |
| 2.1 | Bảng kê các đơn vị phụ thuộc | BK02-ĐK-TCT |
| 2.2 | Bảng kê các địa điểm kinh doanh | BK03-ĐK-TCT |
| 2.3 | Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài | BK04-ĐK-TCT |
| 2.4 | Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí | BK05-ĐK-TCT |
| 3 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) | 03-ĐK-TCT |
| 3.1 | Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu phụ thuộc | 03-ĐK-TCT-BK01 |
| 4 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài/Ban Điều hành liên danh) | 04-ĐK-TCT |
| 5 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho Bên Việt Nam nộp thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức, tổ chức ủy nhiệm thu) | 04.1-ĐK-TCT |
| 5.1 | Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua bên Việt Nam | 04.1-ĐK-TCT-BK |
| 6 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức ủy nhiệm thu) | 04.4-ĐK-TCT |
| 7 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân không kinh doanh) | 05-ĐK-TCT |
| 8 | Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền) | 05-ĐK-TH-TCT |
| 9 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế) | 06-ĐK-TCT |
| 10 | Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công) | 20-ĐK-TCT |
| 11 | Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền) | 20-ĐK-TH-TCT |

**Mẫu số: 01-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | |
|  | **TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**  *(Dùng cho tổ chức)* | | | | |
|  | Tổ chức kinh tế | Tổ chức khác | Tổ chức được hoàn thuế | Hợp đồng dầu khí | Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu |

|  |
| --- |
| **1. Tên người nộp thuế:** |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** |
| 2a. Tên: |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   2b. Mã số thuế: |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính** |  | **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)* |
| 3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: |  | 4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện: |
| 3b. Phường/Xã/Thị trấn: |  | 4b. Phường/Xã/Thị trấn: |
| 3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: |  | 4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: |
| 3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: |  | 4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: |
| 3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có): |  | 4đ. Điện thoại: 4e. Fax: |
| 3g. Email: |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Quyết định thành lập** |  | **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp** |
| 5a. Số quyết định: |  | 6a. Số: |
| 5b. Ngày ký quyết định:.../.../... |  | 6b. Ngày cấp:.../.../...... |
| 5c. Cơ quan ban hành quyết định: |  | 6c. Cơ quan cấp: |

|  |
| --- |
| **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):** | |  | **9. Ngày bắt đầu hoạt động:**.../.../... |
| 8.1. Vốn nhà nước: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.2. Vốn nước ngoài: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.3. Vốn tư nhân: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.4. Vốn khác (nếu có): | Tỷ trọng: % |  |
| **10. Loại hình kinh tế** | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Công ty cổ phần |  | Doanh nghiệp tư nhân |  | VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | Tổ hợp tác | | | |  | Công ty TNHH 1 thành viên |  | Công ty hợp danh |  | Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang |  | Hợp tác xã | | |  | Công ty TNHH 2 thành viên trở lên |  | Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài |  | Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN |  | Cơ quan hành chính | | |  | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | | |  | Đơn vị sự nghiệp công lập |  | Loại hình khác | | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh**  Độc lập Phụ thuộc |  | **12. Năm tài chính** | Từ ngày.../...  đến ngày.../... |
|  |
| Có báo cáo tài chính hợp nhất |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp** | **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ chủ DNTN** |
| 13a. Mã số thuế:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp: | 14a. Tên người đại diện theo pháp luật:  14b. Chức vụ:.......... 14c. Sinh ngày: / /  14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | CMND | CCCD | | Hộ chiếu | | | CMT biên giới | | Giấy thông hành | | Khác |   Số giấy tờ:................................................................  Ngày cấp:......................... Nơi cấp:..........................  14đ. Địa chỉ nơi thường trú:   |  |  | | --- | --- | |  | Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Phường/Xã/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:  Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:  Quốc gia: |   14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có):   |  |  | | --- | --- | |  | Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Phường/Xã/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:  Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:  Quốc gia: |   14g. Thông tin khác  Điện thoại: /Fax:  Email: Website: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **15. Phương pháp tính thuế GTGT** |  | Khấu trừ |  | Trực tiếp trên GTGT |  | Trực tiếp trên doanh số |  | Không phải  nộp thuế GTGT | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **16. Thông tin về các đơn vị liên quan**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Có công ty con, công ty thành viên |  | Có đơn vị phụ thuộc |  | Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí | |  | Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc |  | Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài |  |  | |

**17. Thông tin khác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):*** |  | ***17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*** |
| a. Tên: |  | a. Tên: |
| b. Mã số thuế cá nhân: |  | b. Mã số thuế cá nhân: |
| c. Điện thoại liên lạc: |  | c. Điện thoại liên lạc: |
| d. Email: |  | d. Email: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Chia |  | Tách |  | Hợp nhất |  |  |  |  |   Mã số thuế trước của tổ chức đó:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:..................................  Chứng chỉ hành nghề số............. | *............, ngày... /... /......* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT**  Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:  - “Tổ chức kinh tế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.  - “Tổ chức khác”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.  - “Tổ chức được hoàn thuế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.  - “Hợp đồng dầu khí”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.  - “Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu”: Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.  Thông tin chi tiết gồm:  **1. Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  **2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  **3. Địa chỉ trụ sở chính:** Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:  - Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.  - Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.  - Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.  - Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.  **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.  **5. Quyết định thành lập:**  - Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.  - Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.  **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp:** Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).  Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).  **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.  **8. Vốn điều lệ:**  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).  - Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.  **9. Ngày bắt đầu hoạt động:** Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.  **10. Loại hình kinh tế:** Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.  **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh:** Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô “độc lập” thì tích chọn vào “có BCTC hợp nhất” nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.  **12. Năm tài chính:** Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.  **13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp:** Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.  **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN:** Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.  **15. Phương pháp tính thuế GTGT:** Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.  **16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:**  - Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô “Có công ty con, công ty thành viên”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các công ty con, công ty thành viên” mẫu số BK01-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô “Có đơn vị phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào “Bảng kê các đơn vị phụ thuộc” mẫu số BK02-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô “Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các địa điểm kinh doanh” mẫu số BK03-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài” mẫu số BK04-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí” mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).  **17. Thông tin khác:** Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.  **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có):** Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.  **19.** **Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên**: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.  **20. Đóng dấu của người nộp thuế:**  Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.  Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.  **21. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này. |

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các công ty con, công ty thành viên**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số thuế** | **Tên công ty con, công ty thành viên** | **Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên** | **Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên** | **Loại tiền (VNĐ/USD)** | **Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... /... /......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số**: BK02-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:..............................................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị phụ thuộc** | **Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc** | **Số Quyết định thành lập** | **Ngày ban hành**  **Quyết định thành lập** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày.../.../......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* | |
|  | |  |

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ  
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| **STT** | **Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng** | **Số Quyết định thành lập** | **Ngày ban hành Quyết định thành lập** | **Số nhà, đường phố (thôn xóm)** | **Phường/xã** | **Quận/ huyện** | **Tỉnh/ thành phố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | | | *..., ngày... /... /......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |
|  |  |  |  |

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhà thầu**  **nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)** | **Số hợp đồng** | **Ngày hợp đồng** | **Giá trị**  **hợp đồng** | **Địa điểm**  **thực hiện hợp đồng** | | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| **Quận/huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... /... /......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí** | **Quốc tịch** | **Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)** | **Số hợp đồng** | **Ngày hợp đồng** | **Giá trị**  **hợp đồng** | **Địa điểm**  **thực hiện hợp đồng** | | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| **Quận/**  **huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... /... /......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Góp vốn của tổ chức, cá nhân**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế** | **Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn** | **Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn** | **Số tiền (VNĐ)** | **Mã số thuế (nếu có)** | **Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn** | **Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng | | | |  | x | x | x |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày.../.../......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

**Mẫu số: 02-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020*

*của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh*

*trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)*

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | *NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |

|  |
| --- |
| **1. Tên người nộp thuế** |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** |
| 2a. Tên |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   2b. Mã số thuế |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính** |  | **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)* |
| 3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: |  | 4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện: |
| 3b. Phường/Xã/Thị trấn: |  | 4b. Phường/xã/Thị trấn: |
| 3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: |  | 4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: |
| 3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: |  | 4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: |
| 3đ. Điện thoại: / Fax: |  | 4đ. Điện thoại: /Fax: |
| 3e. E-mail: |  | 4e. E-mail: |
|  | | |
| **5. Quyết định thành lập** |  | **6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp** |
| 5a. Số quyết định: |  | 6a. Số: |
| 5b. Ngày ký quyết định:.../.../...... |  | 6b. Ngày cấp:.../.../........... |
| 5c. Cơ quan ra quyết định: |  | 6c. Cơ quan cấp: |
|  |  | |
|  | **7. Ngành nghề kinh doanh chính** |
|  |  |
| **8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):** |  | **9. Ngày bắt đầu hoạt động:...../.../....** |
| 8.1. Vốn nhà nước: Tỷ trọng: % |
| 8.2. Vốn nước ngoài: Tỷ trọng: % |
| 8.3. Vốn tư nhân: Tỷ trọng: % |
| 8.4. Vốn khác: Tỷ trọng: % |
| **10. Loại hình kinh tế** | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Công ty cổ phần |  | Doanh nghiệp tư nhân |  | VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | Tổ hợp tác | | |  | Công ty TNHH 1 thành viên |  | Công ty hợp danh |  | Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang |  | Hợp tác xã | |  | Công ty TNHH 2 thành viên trở lên |  | Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài |  | Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN |  | Cơ quan hành chính | |  | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | | |  | Đơn vị sự nghiệp công lập |  | Loại hình khác | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh**  □ Độc lập □ Phụ thuộc |  | **12. Năm tài chính** | Từ ngày.../...  đến ngày.../... |

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp** | **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh** |
| 13a. Mã số thuế:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:........... | □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN  □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của thương nhân nước ngoài  14a. Tên người đại diện theo pháp luật:  14b. Chức vụ:... 14c. Sinh ngày:.../.../...  14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:  □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu  □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác  Số giấy tờ:..........................................................  Ngày cấp:...../...../........ Nơi cấp:.........................  14đ. Địa chỉ nơi thường trú:  Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Phường/xã/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:  Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:  Quốc gia:  14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có):  Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:  Phường/Xã/Thị trấn:  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:  Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:  Quốc gia:  14g. Thông tin khác  Điện thoại: /Fax:  Email: Website: |

|  |
| --- |
| **15. Phương pháp tính thuế GTGT**  □ Khấu trừ □ Trực tiếp trên GTGT □ Trực tiếp trên doanh số □ Không phải nộp thuế GTGT |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **16. Thông tin về các đơn vị liên quan**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | □ Có đơn vị phụ thuộc | □ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc | □ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài | □ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **17. Thông tin khác** | | |
| ***17.1. Giám đốc (nếu có):*** |  | ***17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*** |
| a. Tên: | a. Tên: |
| b. Mã số thuế cá nhân: |  | b. Mã số thuế cá nhân: |
| c. Điện thoại liên lạc: |  | c. Điện thoại liên lạc: |
| d. Email: |  | d. Email: |

|  |
| --- |
| **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)** |
| □ Chia □ Tách □ Hợp nhất |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   Mã số thuế trước của tổ chức đó: |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày.../.../......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**  **MẪU SỐ 02-ĐK-TCT**  **1. Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  **2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  **3. Địa chỉ trụ sở chính:** Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:  - Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.  - Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.  - Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.  - Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.  **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.  **5. Quyết định thành lập:**  - Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.  - Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.  **6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp:** Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).  Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).  **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.  **8. Vốn điều lệ:**  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).  - Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.  **9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:** Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.  **10. Loại hình kinh tế:** Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.  **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh:** Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.  **12. Năm tài chính:** Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.  **13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp:** Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.  **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN:** Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.  **15. Phương pháp tính thuế GTGT:** Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.  **16. Thông tin về các đơn vị liên quan:**  - Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô “Có đơn vị phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào “Bảng kê các đơn vị phụ thuộc” mẫu số BK02-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô “Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các địa điểm kinh doanh” mẫu số BK03-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài” mẫu số BK04-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí” mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).  **17. Thông tin khác:** Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.  **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có):** Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.  **19.** **Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên:** Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.  **20. Đóng dấu của người nộp thuế:** Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.  **21. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này. |

Mẫu số: **03-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)*

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên người nộp thuế** | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   2. Mã số thuế (nếu có) | |
| **3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** | |
| 3a. Tên | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   3b. Mã số thuế | |
| 3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày: | |
| |  | | --- | | **4. Địa chỉ kinh doanh** | | 4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/hôn: | | 4b. Phường/Xã/Thị trấn: | | 4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: | | 4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: | | 4đ. Điện thoại: /Fax: | | **5. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)* | | 5a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện: | | 5b. Phường/Xã/Thị trấn: | | 5c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: | | 5d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: | | 5đ. Điện thoại: /Fax: | | 5e. E-mail: | | **7. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có):** | | 7a. Số: | | 7b. Ngày cấp: /.../...... | | 7c. Cơ quan cấp: |  |  | | --- | | **9. Vốn kinh doanh (đồng):** | |  |  |  | | --- | | **10. Ngành nghề kinh doanh chính** | |  | | **11. Ngày bắt đầu hoạt động:..../.../...** | | |  | | --- | | **6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh** | | 6a. Họ và tên: | | 6b. Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: | | Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: | | Phường/Xã/Thị trấn: | | Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: | | Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: | | 6c. Địa chỉ hiện tại: | | Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: | | Phường/Xã/Thị trấn: | | Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: | | Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: | | 6d. Thông tin khác: | | Điện thoại: /Fax: | | E-mail: /Website : |  |  | | --- | | **8. Thông tin về giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh** | | 8a. Ngày sinh:....../....../........ 8b. Quốc tịch:................ | | 8c. Số CMND:......................... Ngày cấp.....................  Nơi cấp...................................................................... | | 8đ. Số Hộ chiếu..................... Ngày cấp.................... Nơi cấp......................................................................... | | 8e. Số giấy thông hành (đối với thương nhân nước ngoài)................................... Ngày cấp......................... Nơi cấp...................................................................... | | 8g. Số CMND biên giới (đối với thương nhân nước ngoài)................................... Ngày cấp.......................... Nơi cấp.......................................................................... | | 8h. Số Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):Số Giấy tờ............. Ngày cấp................ Nơi cấp......................................................................... | |

|  |
| --- |
| **12. Tình trạng đăng ký thuế**  □ Cấp mới □ Tái hoạt động địa điểm kinh doanh đã chấm dứt hoạt động |

|  |
| --- |
| **13. Thông tin về các đơn vị liên quan**  □ Có cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... /... /......*  **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH,**  **CÁ NHÂN KINH DOANH**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**  **MẪU SỐ 03-ĐK-TCT**  **1. Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp có Giấy chứng nhân đăng ký hộ kinh doanh thì phải ghi đúng theo tên hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.  **2. Mã số thuế:** Ghi mã số thuế 10 của người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong trường hợp đăng ký thuế cho địa điểm kinh doanh mới thành lập, hoặc mã số thuế đã được cấp của địa điểm kinh doanh trong trường hợp tái hoạt động địa điểm kinh doanh đã chấm dứt hoạt động.  **3. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  **4. Địa chỉ kinh doanh:**  4.1. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thường xuyên và địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân cho thuê tài sản thì ghi rõ địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc địa chỉ nơi cá nhân cho thuê tài sản gồm: số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax. Trường hợp có Giấy chứng nhân đăng ký hộ kinh doanh thì phải ghi đúng theo địa chỉ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.  4.2. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định thì ghi rõ địa chỉ nơi thường trú của người đại diện hộ kinh doanh hoặc địa chỉ hiện tại nếu người đại diện hộ kinh doanh không ở tại địa chỉ nơi thường trú.  **5. Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.  **6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh:** Ghi đầy đủ các thông tin của người đại diện của hộ kinh doanh cá nhân kinh doanh (Họ và tên, địa chỉ nơi thường trú, địa chỉ hiện tại). Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.  **7. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**  - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của Việt Nam và cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có).  - Đối với hộ kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD. Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).  **8. Thông tin về giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh:** Ghi rõ số, ngày cấp, cơ quan cấp 1 trong các giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; hộ chiếu; giấy tờ chứng thực khác do cơ quan có thẩm quyền cấp. Riêng thông tin “nơi cấp” chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.  **9. Vốn kinh doanh:** Ghi theo thông tin “vốn kinh doanh” trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không có thông tin về vốn kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ghi theo vốn thực tế đang kinh doanh.  **10. Ngành nghề kinh doanh chính:** Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Người nộp thuế chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh.  **11. Ngày bắt đầu hoạt động:** Ghi rõ ngày hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.  **12. Tình trạng đăng ký thuế:**  Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lần đầu đăng ký thuế cho hoạt động kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh mới thành lập để cấp mã số thuế với cơ quan thuế thì đánh dấu X vào ô “Cấp mới”.  Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau một thời gian không hoạt động kinh doanh đã chuyển mã số thuế của người đại diện hộ kinh doanh thành mã số thuế của cá nhân, hoạt động kinh doanh trở lại thì đánh dấu X vào ô “Tái hoạt động SXKD” và ghi mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp vào ô “Mã số thuế” của tờ khai.  **13. Thông tin về các đơn vị có liên quan:** Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thêm các cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô “Có cửa hàng, cửa hiệu phụ thuộc” đồng thời kê khai vào Bảng kê các cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc” mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01.  **14. Phần người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ký, ghi rõ họ tên:** Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanhphải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.  **15. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này. |

Mẫu số: **03-ĐK-TCT-BK01** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc**

*(Kèm theo mẫu số 03-ĐK-TCT)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| **STT** | **Tên cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng** | **Địa chỉ** | **Phường/xã** | **Quận/ huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... /... /......*  **ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

Mẫu số: **04-ĐK-TCT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

# **TAX REGISTRATION FORM**

# ***(Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài,***

# ***Ban điều hành liên danh)***

# **(Use for contractor/sub-contractor/management board)**

Kê khai - nộp thuế nhà thầu Kê khai - nộp các loại thuế khác

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên nhà thầu nước ngoài/nhà thầu phụ nước ngoài/Ban điều hành liên danh:**  Name of contractor/ sub-contractor/management board | |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):**  Tax agent (if any) | |
| 2a. Tên (Name) | |
| 2b. Mã số thuế (TIN of Tax agent) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày  Tax agent contract: Number Date | |

|  |
| --- |
| **3. Quốc tịch (**Nationality): |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4. Địa chỉ trụ sở chính:**  Address of the head office |  | **5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam**  Address of management office in Vietnam |
|  | 5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:  Street number, Street name or Commune |
|  | 5b. Phường/Xã:  Ward |
| Điện thoại (Tel):  Fax:  Email: |  | 5c. Quận/Huyện:  District |
|  | 5d. Tỉnh/Thành phố:  Province/City |
|  | 5e. Điện thoại (Tel): Fax: Email: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam**  Business licence in Vietnam |  | **7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ**  Contract for Contractor/Sub-Contractor operation in Vietnam |
| 6a. Số giấy phép:  Number |  |
| 6b. Ngày cấp: ..../..../...........  Date |  | 7a. Số:  Number |
| 6c. Cơ quan cấp:  Granted by |  | 7b. Ngày:...../..../.......  Date |

|  |
| --- |
| 7c. Ký với:  Signed with  Mã số NNT tại Việt Nam (nếu có):  Tax payers identification number in Vietnam (if any) |
|

|  |
| --- |
| **8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng**  Contract objectives |
|  |

|  |
| --- |
| **9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng**  Location of according to the contract |
|  |

|  |
| --- |
| **10. Thời gian thực hiện hợp đồng**  Contract duration |
| Từ:....../...... đến......./.......  From:....../....... to....../....... |

|  |  |
| --- | --- |
| **11. Nhà thầu phụ nước ngoài**  Do you have sub-contractor? | |
| Có  Yes | Không  No |

|  |
| --- |
| **12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài):**  Information of representative of contractor (or sub-contractor) |
| 12a. Tên người đại diện theo pháp luật:  Name of representative of contractor (or sub-contractor)  12b. Chức vụ:.....................................................................................................................  Possition  12c. Chứng từ chứng thực cá nhân: Số giấy chứng thực cá nhân...................................... Ngày cấp......................................... Ngày hết hạn:................. Nơi cấp..............................  Passport or Identify number:........... Date of Issue............... Date of Expiration............... Place of Issue..............  12d. Địa chỉ tại Việt Nam:  Address of representative of contractor (or sub-contractor) in Vietnam  Số nhà/Đường phố:  Street number, Street name or Commune  Phường/xã:  Ward  Quận/Huyện:  District  Tỉnh/Thành phố:  Province/City  12e. Thông tin khác:  Others  Điện thoại (tel): /Fax:  Email: Website: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **13. Phương pháp tính thuế GTGT**  VAT calculation method |  | Khấu trừ  Deduction method |  |  |  | | Trực tiếp trên GTGT  Directly method |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| **14. Phương pháp tính thuế TNDN**  CIT calculation method |  | Doanh thu, chi phí  Revenues, expenses |  |  |  | Trực tiếp trên doanh thu  Directly method | |  |
|  | | | | | | | | |
| **15. Năm tài chính**  **Finacial year** | Từ ngày.../... đến ngày .../...  From: dd....mm... yy... To: dd....mm... yy... | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **16. Tài liệu kèm theo**  Attachments | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |

Cam kết của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu nước ngoài phụ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp về thuế, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế phát sinh, đảm bảo việc khấu trừ và nộp đủ các khoản thuế của Nhà thầu và người lao động làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng.

Contractors, sub-contractors commit to observe all tax laws, timely and fully pay taxes, ensure to withhold and pay full tax dues of sub-contractors and employees involved in the contract in Vietnam.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày: ...../..../.............*  *..., date:...../....../..........* |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  **Staff of tax agent**  Họ và tên:.......  Name  Chứng chỉ hành nghề số:.......  Certificate number | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI/NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH**  Representative of contractor (or sub-contractor)  *(Signature)* |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 04-ĐK-TCT**  **GUIDANCE FOR DECLARATION**  Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:  Contractor/sub-contractor/management board select one of the appropriate boxes before declare detail information, as follows:  - “Kê khai-nộp thuế nhà thầu”: Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh trực tiếp kê khai và nộp thuế nhà thầu với cơ quan thuế (thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế).  “Contractor tax declartion and payment”: Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct contractor tax declartion and payment and submit to tax department (VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax managment law).  - “Kê khai - nộp các loại thuế khác”: Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài,... với cơ quan thuế và được Bên Việt Nam kê khai, khấu trừ, nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế.  “Other tax and fee declartion and payment”: Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct PIT, other fees declartion and payment and submit to tax department and Vietnamese parties deduct and pay on behalf of contractor/sub-contractor about VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax managment law.  **1. Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh:** Ghi đầy đủ tên (kể cả viết tắt) của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ hoặc Ban điều hành liên danh tham gia các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư.  Name of contractor/sub-contractor/management board: Write full name (including abbreviated name) of contractor or sub-contractor or management board doing business in Vietnam under the form not stipulated in the Law of Invesment.  **2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  Information of Tax agent: Write name, TIN, contract (number, date).  **3. Quốc tịch:** Ghi rõ quốc tịch của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài.  Nationality: Fill in clearly the nationality of the contractor/sub-contractor/management board.  **4. Địa chỉ trụ sở chính:** Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú.  Nếu người nộp thuế là tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở chính.  Address of head office:  If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of residency.  If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the head office.  **5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam:**  Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú tại Việt Nam để điều hành hoạt động.  Nếu người nộp thuế là các tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở văn phòng điều hành tại Việt Nam.  Address of Management office in Vietnam:  If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of the individual residing in Vietnam to do business.  If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the management office in Vietnam.  **6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam:** Căn cứ vào giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có) để điền vào các chỉ tiêu tương ứng.  Business license in Vietnam:  Based on the business license granted by the competent Goverment authority, fill in the relevant items in the form (if any).  **7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài:** Căn cứ vào hợp đồng được ký kết mà điền vào các chỉ tiêu cho phù hợp. Chỉ kê khai nếu tích chọn “Kê khai-nộp thuế nhà thầu”.  Contract for contractor/sub-contractor operation in Vietnam: Based on the signed contract, fill in the relevant items in the form if select “Contractor tax declartion and payment”.  **8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng:** Ghi cụ thể từng mục tiêu hoạt động của hợp đồng. Chỉ kê khai nếu tích chọn “Kê khai-nộp thuế nhà thầu”.  Contract objectives: Declare each operation objective of the contract concretely if select “Contractor tax declartion and payment”.  **9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng:** Ghi cụ thể các địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng. Trong trường hợp tiến hành công việc tại nhiều địa phương khác nhau thì phải kê khai đầy đủ các địa điểm tiến hành công việc tại địa phương đó. Chỉ kê khai nếu tích chọn “Kê khai - nộp thuế nhà thầu”.  Location of business according to the contract: Declare each operation location of the contract concretely. In case of doing business at many different location, contractor/sub-contract has to declare fully the location to do business if select “Contractor tax declartion and payment”.  **10. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng, năm đến tháng, năm. Chỉ kê khai nếu tích chọn “Kê khai - nộp thuế nhà thầu”.  Contract duration: Fill inclearly contract duration from month, year to month, year if select “Contractor tax declartion and payment”.  **11. Nhà thầu phụ nước ngoài:** Nếu có các Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện một phần hợp đồng yêu cầu kê khai đầy đủ các Nhà thầu phụ nước ngoài theo bảng kê mẫu số BK04-ĐK-TCT đính kèm tờ khai đăng ký thuế.  Do you have sub-contractor: If there are sub-contractors taking part in the contract, please declare fully in the Sub-contracor form of BK04-ĐK-TCT declare attached.  **12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài):** Ghi rõ thông tin về người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ).  Declare information of representative of contractor (or sub-contractor)  **13. Phương pháp tính thuế GTGT:** Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế GTGT nếu tích chọn vào ô “Kê khai - nộp thuế nhà thầu”.  Declare information of VAT calculation method if select “Contractor tax declartion and payment”  **14. Phương pháp tính thuế TNDN:** Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế TNDN nếu tích chọn vào ô “Kê khai - nộp thuế nhà thầu”.  Declare information of CIT calculation method if select “Contractor tax declartion and payment”  **15. Năm tài chính:** Người nộp thuế kê khai thông tin về năm tài chính là năm dương lịch. Trường hợp năm tài chính khác năm dương lịch thì kê khai thông tin từ quý bắt đầu đến quý kết thúc năm tài chính và năm tài chính phải tròn 12 tháng.  Declare information of finacial year (From... to...) is calendar year. If finacial year is different from calendar year, declare information is from quarter to quarter and finacial year must be full 12 months.  **16. Tài liệu kèm theo:** Ghi các tài liệu gửi cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai đăng ký thuế.  Attachments: List all documents attached to the Tax Registration Form  **17. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.  Staff tax agent: Staff tax agent derclare name and certificate number on this area if tax agent derclare onbehalf of contractor/sub-contractor |

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho bên Việt Nam nộp thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức)*

Nộp thay NTNN Hợp tác kinh doanh Khác

|  |
| --- |
| **1. Tên tổ chức, cá nhân (Bên Việt Nam/Hợp tác kinh doanh/khác):**  **2. Mã số thuế đã được cấp:** |

|  |
| --- |
| **3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** |
| **3a. Tên** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   **3b. Mã số thuế** |
| **3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4. Địa chỉ trụ sở** |  | **5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế (chỉ khai thông tin này nếu khác địa chỉ trụ sở)** |
| 4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm: |  | 5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm: |
| 4b. Phường/xã: |  | 5b. Phường/xã: |
| 4c. Quận/Huyện: |  | 5c. Quận/Huyện: |
| 4d. Tỉnh/Thành phố: |  | 5d. Tỉnh/Thành phố: |
| 4e. Điện thoại: /Fax:  Email: |  | 5e. Điện thoại: /Fax:  Email: |

|  |  |
| --- | --- |
| **6. Thông tin về người đại diện theo pháp luật** | |
| 6a. Tên: | 6b. Địa chỉ: |
| 6c. Điện thoại/ Fax: | 6d. Email: |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày.../.../......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT-BK** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam**

*(Kèm theo Mẫu số 04.1-ĐK-TCT)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Ngày hợp đồng** | **Giá trị**  **hợp đồng (số tiền hoặc tỷ lệ %)** | **Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)** | **Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài** | **Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng** | | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| **Quận/**  **huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày.../.../......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **04.4-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | **1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu:**  **2. Mã số thuế đã được cấp:** |  |  | | --- | | **3. Hợp đồng ủy nhiệm thu** | | a. Số: | | b. Ngày: | | c. Tên cơ quan thuế ủy nhiệm thu: | | d. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày... đến ngày... |   Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khi này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.   |  | | --- | | *..., ngày... /... /......*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* | |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho cá nhân không kinh doanh)*

**1. Họ và tên người đăng ký thuế:**.......................................................................................

|  |
| --- |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** |
| 2a. Tên |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   2b. Mã số thuế |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày: |

**3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân:**.............................................................................

**4. Giới tính:** Nam Nữ  **5. Quốc tịch:**.........................................................................................................................

**6. Giấy tờ của cá nhân:**

6a. Số chứng minh nhân dân....................... Ngày cấp......................... Nơi cấp....................

6b. Số căn cước công dân............................ Ngày cấp......................... Nơi cấp...................

6c. Số hộ chiếu............................................. Ngày cấp......................... Nơi cấp...................

**7. Địa chỉ nơi thường trú:**

7a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm:.........................................................................................

7b. Xã, phường:.....................................................................................................................

7c. Quận, huyện:....................................................................................................................

7d. Tỉnh, thành phố:...............................................................................................................

7đ. Quốc gia:..........................................................................................................................

**8. Địa chỉ hiện tại:**

8a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm:.........................................................................................

8b. Xã, phường:.....................................................................................................................

8c. Quận, huyện:....................................................................................................................

8d. Tỉnh, thành phố:...............................................................................................................

**9. Điện thoại liên hệ:**................................................. Email:...............................................

**10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế:**..............................................

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày... tháng... năm...*  **NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ**  *Ký và ghi rõ họ tên* |
|  |  |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**  **MẪU SỐ 05-ĐK-TCT**  **1. Họ và tên người đăng ký thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.  **2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  **3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân:** Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.  **4. Giới tính:** Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.  **5. Quốc tịch:** Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.  **6. Giấy tờ của cá nhân:** Ghi đầy đủ thông tin giấy tờ của cá nhân đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này.  **7. Địa chỉ nơi thường trú:** Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân đã được ghi trên sổ hộ khẩu hoặc trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.  **8. Địa chỉ hiện tại:** Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).  **9. Điện thoại liên hệ, email:** Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có).  **10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế:** Ghi cơ quan chi trả thu nhập đang công tác tại thời điểm đăng ký thuế (nếu có).  **11. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này. |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số: **05-ĐK-TH-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG**

*(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)*

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Cơ quan thuế quản lý:

4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên người nộp thuế** | **Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin** | **Ngày sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Giấy tờ chứng thực cá nhân** | | | | **Địa chỉ nơi thường trú** | | | | | **Địa chỉ hiện tại** | | | | **Điện thoại liên hệ** | **Email** |
| **Loại giấy tờ tùy thân của cá nhân (CMND/CCCD/ Hộ chiếu)** | **Số giấy tờ** | **Ngày cấp** | **Nơi cấp** | **Số nhà/ đường phố** | **Xã, phường** | **Quận, huyện** | **Tỉnh, thành phố** | **Quốc gia** | **Số nhà/ đường phố** | **Xã, phường** | **Quận, huyện** | **Tỉnh, thành phố** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày... /... /......*  **CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

Mẫu số: **06-ĐK-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

**TAX REGISTRATION FORM**

*(Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự,*

*cơ quan đại diện tổ chức quốc tế)*

(Use for diplomatic, consulate, international organization)

|  |
| --- |
| **1. Tên cơ quan đại diện**  Name of missions |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Trụ sở tại Việt Nam**  Address in Vietnam |  |
| 2a. Số nhà, đường phố, thôn xóm:  Number, Street name |  |
|
| 2b. Phường/xã:  Ward |  |
|
| 2c. Quận/Huyện:  District |  |
|
| 2d. Tỉnh/Thành phố:  Province/City |  |
| 2e. Điện thoại: Fax: Email:  Tel |  |
|

|  |
| --- |
| **3. Tài liệu kèm theo:**  Attachments |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày....../....../.......*  *..., date....../....../.......*  **TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HOẶC PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN**  Head or Deputy Head of Mission  *Ký tên*  *Signature* |

Mẫu số: **08-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Doanh nghiệp,  hợp tác xã | Tổ chức | Hộ kinh doanh, cá nhân  kinh doanh | Cá nhân | Khác |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên người nộp thuế:** | |
| **2. Mã số thuế:** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính:** | |
| 4. Thông tin đại lý thuế (nếu có): | |
| 4a. Tên: | |
| 4b. Mã số thuế: | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| 4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày | |

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu**  **(1)** | **Thông tin đăng ký cũ (2)** | **Thông tin đăng ký mới (3)** |
| **I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:**  Ví dụ:  - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT  -.....  **II- Bổ sung thông tin:**  Ví dụ:  - Bảng kê BK02-ĐK-TCT  -... | 124 Lò Đúc-Hà Nội | 235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội  Bổ sung đơn vị phụ thuộc... |

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *......, ngày....... tháng..... năm.........*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

**Ghi chú:**

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

Mẫu số: **09-MST** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| .......(1).......  **......(2)........**  Số: /TB-....(3)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *.........., ngày........ tháng...... năm.....* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc người nộp thuế chuyển địa điểm**

*Thời điểm chuyển địa điểm: ngày... tháng... năm...*

*(Thời điểm cơ quan thuế chốt nghĩa vụ trong hệ thống quản lý thuế)*

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ của người nộp thuế nộp ngày..........................................................

Cục Thuế/Chi cục Thuế:..................................................................... thông báo:

Người nộp thuế:....................................................................................................

MST/MSDN:.........................................................................................................

Chuyển địa điểm kinh doanh từ:

Địa chỉ trụ sở cũ:............................ Phường/xã................ Quận/huyện:...............

Tỉnh/TP:................................................................................................................

Đến:

Địa chỉ trụ sở mới:......................... Phường/xã................. Quận/huyện:..............

Tỉnh/TP:................................................................................................................

Số điện thoại liên hệ mới:.....................................................................................

1. Tình trạng nộp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đến thời điểm chuyển đi:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (mã chính, mã nộp thay) | Trạng thái hồ sơ  khai thuế  (Hồ sơ nộp chậm chưa xử lý/chưa nộp) | Hồ sơ khai thuế  phải nộp | | Kỳ tính thuế | Đề nghị tiếp tục xử lý  (nếu có) |
| Tên hồ sơ | Mẫu |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

2. Thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế đến thời điểm chuyển đi:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế  (mã chính, mã nộp thay) | Tên Tiểu mục | Mã tiểu mục | Kỳ thuế | Số còn phải nộp | Số còn nộp thừa | Số tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

3. Tình trạng thanh tra, kiểm tra đến thời điểm chuyển đi (nếu có):

a) Nội dung thanh tra, kiểm tra:............................................................................

b) Thời kỳ thanh tra, kiểm tra:..............................................................................

4. Tình hình sử dụng hóa đơn với cơ quan thuế nơi chuyển đi:

Đã quyết toán hóa đơn

  Không sử dụng hóa đơn

5. Nhận xét khác:..................................................................................................

Đề nghị người nộp thuế *<nộp hồ sơ đăng ký thay đổi địa chỉ đến cơ quan đăng ký kinh doanh/cơ quan đăng ký hợp tác xã (nếu là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc nộp hồ sơ chuyển địa điểm cho cơ quan thuế nơi chuyển đến (trừ doanh nghiệp, hợp tác xã)>* trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.......(4)........,.........(5)...........

Địa chỉ:............(6)...........

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - <NNT>;  - <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;  -...................  - Lưu VT, bộ phận ban hành TB. | QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(7) *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| (1): Tên cơ quan thuế cấp trên |

(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới

(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)

(4): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo

(5): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ

(6): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo

(7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **10-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ**

**CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION**

|  |  |
| --- | --- |
| **MÃ SỐ THUẾ**  TAX IDENTIFICATION NUMBER |  |
| **TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ**  FULL NAME OF TAXPAYER |  |
| **SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HOẶC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**  NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE |  |
| **SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP** (đối với tổ chức)  NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION (FOR ORGANIZATION) |  |
| **SỐ, NGÀY THÁNG NĂM, NƠI CẤP CHỨNG MINH THƯ NHÂN DÂN/CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/HỘ CHIẾU** (đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh)  NUMBER OF IDENTITY CARD/CITIZEN IDENTIFICATION/PASSPORT ISSUED ON (DD/MM/YY) IN.... (FOR PERSONAL) |  |
| **NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ**  DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER |  |
| **CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP**  TAX DEPARTMENT IN CHARGE |  |

*..., ngày....... tháng...... năm............*

*(dd/mm/yy)*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

Mẫu số: **11-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...**CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:...... | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*....., ngày (date)... tháng... năm...*

# THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ

TAX IDENTIFICATION NUMBER (TIN) NOTIFICATION

Cục Thuế/Chi cục Thuế thông báo mã số thuế của người nộp thuế như sau:

*The Tax Department of............................. Province/City/district hereby would like to inform your TIN as follows:*

**Mã số thuế:.**........................................................................................................

*Tax identification number*

**Tên người nộp thuế:.**..........................................................................................

*Full name of Taxpayer*

**Địa chỉ trụ sở:.**....................................................................................................

*Office address*

**Ngày cấp mã số thuế:.**........................................................................................

*Date of issue*

**Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:.**.......................................................................

*Tax Department in charge*

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

*You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of TIN issuance.*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

Mẫu số: **12-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:...**CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:... | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*....., ngày (date)... tháng ... năm...*

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ DÀNH CHO CÁ NHÂN

CERTIFICATE OF PERSONAL TAX REGISTRATION

Cục Thuế/Chi cục Thuế thông báo mã số thuế của cá nhân như sau:

*The Tax Department of.*....................... *Province/City/district hereby would like to inform your TIN as follows:*

**Mã số thuế:**..........................................................................................................

*Tax identification number*

**Tên người nộp thuế:**...........................................................................................

*Full name of Taxpayer*

**Số CMND hoặc CCCD hoặc Hộ chiếu**...... **ngày cấp**..... **nơi cấp**....................

*Number of identify card/citizen identification/passport......... date of isue (dd/mm/yy).*.. *place of isue*....

**Địa chỉ thường trú:**............................................................................................

*Residential address*

**Địa chỉ hiện tại:**..................................................................................................

*Current address*

**Ngày cấp mã số thuế:**.........................................................................................

*Date of issue*

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

*You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of TIN issuance.*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

Mẫu số: **13-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*........., ngày... tháng ... năm...*

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**<Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế*>***

Kính gửi:.........................................................

1. Tên người nộp thuế, cá nhân (Ghi theo thông tin đăng ký thuế):....................

..............................................................................................................................

Mã số thuế:............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính (Ghi theo thông tin đăng ký thuế):.......................................

Địa chỉ kinh doanh (Nếu có):

2. Tên đại lý thuế (Nếu có):..................................................................................

Mã số thuế:...........................................................................................................

Hợp đồng đại lý thuế: Số........................................ ngày.....................................

3. Lý do đề nghị cấp lại:........................................................................................

...............................................................................................................................

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.......  Chứng chỉ hành nghề số:.......  ***Ghi chú:***  *Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân khác không cần đóng dấu.* | **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

Mẫu số: **14-MST**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:.....**CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ.....**Số:....../TB-CT(CCT)** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........., ngày... tháng ... năm...* |

# THÔNG BÁO

# Mã số thuế cá nhân

*<Trường hợp thông báo mã số thuế cho cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập thì ghi:*

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của các cá nhân theo hồ sơ đăng ký thuế ngày.../.../... của <tên cơ quan chi trả thu nhập> gửi đến cơ quan thuế như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên người nộp thuế | Số CMND/ CCCD | Số hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ thường trú | Địa chỉ hiện tại | Mã số thuế | Ngày cấp mã số thuế |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo mã số thuế cho từng cá nhân có tên tại danh sách nêu trên. Cá nhân phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

*<Trường hợp thông báo mã số thuế cho cá nhân đăng ký thuế theo quy định tại điểm b.4 Khoản 9 Điều 7 Thông tư hướng dẫn về đăng ký thuế thì ghi:*

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của cá nhân như sau:

Tên người nộp thuế:........................................................................................................

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.......................... ngày cấp....................... nơi cấp.............

Địa chỉ thường trú:..........................................................................................................

Địa chỉ hiện tại:...............................................................................................................

Mã số thuế:.....................................................................................................................

Ngày cấp mã số thuế:......................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -...  - Lưu: VT, KK&KTT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(1)**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

Mẫu số: **15/BB-BKD**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký**

Vào............ giờ........, ngày.......... tháng......... năm................

**Thành phần gồm:**

- Đại diện chính quyền địa phương (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):............................................................................................................

+ Ông (bà):............................................................................................................

- Đại diện cơ quan thuế (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):............................................................................................................

+ Ông (bà):............................................................................................................

**Lập Biên bản xác minh về tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế như sau:**

- Tên người nộp thuế..............................................; Mã số thuế:.........................

- Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số......................., cấp ngày.... tháng... năm..., cơ quan cấp..................................................................................................................

- Đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:.....................................................

Chức vụ.......; CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.......; ngày cấp...... Cơ quan cấp:.......

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế cấp ngày.../.../...; cơ quan cấp......................................................................................

- Địa chỉ đã đăng ký:.............................................................................................

Tại thời điểm xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký (số nhà.........., đường phố/xóm/ấp/thôn........................., phường/xã/ thị trấn................, tỉnh, thành phố..............), Tổ công tác ghi nhận kết quả xác minh thực tế như sau: (ghi kết quả xác minh)

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện cơ quan thuế**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  **Đại diện cơ quan................(2)**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người nộp thuế cam kết có hoạt động**  **kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký(1)**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)*  **UBND phường/xã/thị trấn xác nhận nội dung nêu tại biên bản này là đúng thực tế(2)**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| **Đại diện cơ quan................(2)**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  |

Lưu ý:

(1) Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

(2) Trường hợp người nộp thuế không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: Cơ quan chính quyền địa phương xác nhận kết quả xác minh vào Biên bản để cơ quan thuế có căn cứ xử lý tiếp theo quy định.

Mẫu số: **16/TB-ĐKT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| .......(1)..............(2)....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:....../TB-....(3)..... | *......, ngày... tháng... năm...* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký**

Căn cứ Biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày........, Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế)................................, thông báo:

Người nộp thuế....................................................................................................;

Mã số thuế/mã số doanh nghiệp................................., đơn vị cấp:......................

Địa chỉ:..................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số... ngày cấp... cơ quan cấp.................

Ngành nghề kinh doanh chính:.............................................................................

Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:..............................................

Chức vụ:....; CMND/CCCD/Hộ chiếu số:........; ngày cấp:.......... nơi cấp:...........

Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày ban hành Thông báo này. Người nộp thuế không được sử dụng hóa đơn và mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc thì mã số thuế của các đơn vị phụ thuộc đồng thời bị cơ quan thuế cập nhật trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế của đơn vị phụ thuộc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

Cơ quan thuế thông báo để (4) được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -...  -...;  - Lưu: VT, KK&KTT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(5)**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |
| |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | (1): Tên cơ quan thuế cấp trên |   (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới  (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)  (4): Tên người nộp thuế |   (5): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định | | |

Mẫu số: **17/TB- ĐKT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| .......(1)..............(2)....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:....../TB-....(3)..... | *......, ngày... tháng... năm...* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục**

**chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 83/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của...(4)... mã số thuế...(5)... nộp ngày.../.../....

....(6)... thông báo mã số thuế...(5)... được cập nhật về trạng thái “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” từ ngày ban hành Thông báo này để cơ quan thuế và người nộp thuế thực hiện các thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Đề nghị người nộp thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, pháp luật về hóa đơn đến cơ quan thuế để thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

........(6)..................(7).........

Địa chỉ:..........(8)............

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để....(4).... được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (9) |
| - <NNT>;  - <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;  - Lưu: VT, bộ phận ban hành TB. | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | (1): Tên cơ quan thuế cấp trên |   (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới  (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)  (4): Tên người nộp thuế |   (5): Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế của người nộp thuế  (6): Tên cơ quan thuế ban hành thông báo  (7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ  (8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo  (9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định | | | |

Mẫu số: **18/TB- ĐKT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| .......(1)..............(2)....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:....../TB-....(3)..... | *......, ngày... tháng... năm...* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 83/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của.....(4)..... mã số thuế...(5)... nộp ngày.../.../....

...(6)... thông báo....(4)...., địa chỉ...(7)... chấm dứt hiệu lực mã số thuế...(5)... từ ngày ban hành Thông báo này. Mã số thuế đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

........(6)...........(8)................

Địa chỉ:..........(9)................

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để....(4).... được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (10) |
| - <NNT>;  - <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;  - Lưu: VT, bộ phận ban hành TB. | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | (1): Tên cơ quan thuế cấp trên |   (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới  (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)  (4): Tên người nộp thuế |   (5): Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của người nộp thuế  (6): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo  (7): Địa chỉ của người nộp thuế  (8): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ  (9): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo  (10): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định | | | |

Mẫu số: **19/TB-ĐKT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| .......(1)..............(2)....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:....../TB-....(3)..... | *......, ngày... tháng... năm...* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc khôi phục mã số thuế**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 83/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của.........(4)...... mã số thuế......(5)...... nộp ngày.../.../...

.......(6)........ thông báo khôi phục trạng thái hoạt động của mã số thuế....(5)... cho......(4)........ địa chỉ......(7)........ kể từ ngày ban hành Thông báo này. Lý do khôi phục mã số thuế:..........................................................................................................

......(4)...... được phép sử dụng mã số thuế để kê khai, nộp thuế và các thủ tục khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

........(6)...........(8)................

Địa chỉ:..........(9)................

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để....(4).... được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (10) |
| - <Người nộp thuế>;  -...;  - Lưu VT, KK&KTT. | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | (1): Tên cơ quan thuế cấp trên |   (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới  (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)  (4): Tên người nộp thuế |   (5): Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của người nộp thuế  (6): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo  (7): Địa chỉ của người nộp thuế  (8): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ  (9): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo  (10): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  Mẫu số: **20-ĐK-TCT**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ**

*(Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)*

Đăng ký thuế Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập:.............................................................................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:........................................................................................................................

4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):...................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có):  6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng CMND/CCCD/Hộ chiếu:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Họ và tên người phụ thuộc** | | **Ngày sinh** | **Mã số thuế (nếu có)** | | | **Quốc tịch** | | **Loại giấy tờ (CMND/CCC/ Hộ chiếu)** | | | **Số** | **Ngày cấp** | | **Nơi cấp** | **Địa chỉ nơi thường trú** | | **Địa chỉ hiện tại** | | **Quan hệ với người nộp thuế** | |
| (1) | (2) | | (3) | (4) | | | (5) | | (6) | | | (7) | (8) | | (9) | (10) | | (11) | | (12) | |
| 1 |  | |  |  | | |  | |  | | |  |  | |  |  | |  | |  | |
| 2 |  | |  |  | | |  | |  | | |  |  | |  |  | |  | |  | |
| 3 |  | |  |  | | |  | |  | | |  |  | |  |  | |  | |  | |
| ... |  | |  |  | | |  | |  | | |  |  | |  |  | |  | |  | |
| **II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Họ và tên** | **MST (nếu có)** | | | **Thông tin trên giấy khai sinh** | | | | | | | | | | | | | | **Quốc tịch** | | **Quan hệ với người nộp thuế** |
| **Ngày sinh** | **Số** | | **Ngày cấp** | | **Nơi đăng ký** | | | | | | | | |
| **Quốc gia** | **Tỉnh/Thành phố** | | | **Quận/ Huyện** | | | **Phường/Xã** | |
| (13) | (14) | (15) | | | (16) | (17) | | (18) | | (19) | (20) | | | (21) | | | (22) | | (23) | | (24) |
| 1 |  |  | | |  |  | |  | |  |  | | |  | | |  | |  | |  |
| 2 |  |  | | |  |  | |  | |  |  | | |  | | |  | |  | |  |
| 3 |  |  | | |  |  | |  | |  |  | | |  | | |  | |  | |  |
| ... |  |  | | |  |  | |  | |  |  | | |  | | |  | |  | |  |
| ... |  |  | | |  |  | |  | |  |  | | |  | | |  | |  | |  |

*(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)*

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

|  |
| --- |
| *..., ngày... tháng... năm...* |
| **CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |

Ghi chú: Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

Mẫu số: **20-ĐK-TH-TCT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP NGƯỜI PHỤ THUỘC**

**CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG**

*(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)*

Đăng ký thuế Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:...............................................................................................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Người phụ thuộc đăng ký thuếbằng CMND/CCCD/Hộ chiếu:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| STT | Họ và tên người phụ thuộc | | MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin) | | Ngày sinh | Quốc tịch | Loại giấy tờ  (CMND/CCCD/Hộ chiếu) | | | Số | | Ngày cấp | Nơi cấp | | Địa chỉ nơi thường trú | | | | | | | Địa chỉ hiện tại | | | | | | Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh | | Tên cá nhân có thu nhập | | Mã số thuế của cá nhân có thu nhập |
| Số nhà/  đường phố | | Xã, phường | Quận, huyện | | Tỉnh, thành phố | | Số nhà/  đường phố | | Xã, phường | Quận, huyện | | Tỉnh, thành phố |
| (1) | (2) | | (3) | | (4) | (5) | (6) | | | (7) | | (8) | (9) | | (10) | | (11) | (12) | | (13) | | (14) | | (15) | (16) | | (17) | (18) | | (19) | | (20) |
| 1 |  | |  | |  |  |  | | |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | |  |  | |  | |  |
| 2 |  | |  | |  |  |  | | |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | |  |  | |  | |  |
| 3 |  | |  | |  |  |  | | |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | |  |  | |  | |  |
| ... |  | |  | |  |  |  | | |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | |  |  | |  | |  |
| **II. Người phụ thuộcđăng ký thuế bằng giấy khai sinh:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| STT | | Họ và tên | | MST  (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin) | | | | Thông tin trên giấy khai sinh | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch | | | Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh | | | Tên cá nhân có thu nhập | | MST của cá nhân có thu nhập | |
| Ngày sinh | Số | | Ngày cấp | | | Nơi đăng ký | | | | | | | | |
| Quốc gia | | Tỉnh/  thành phố | | | Quận/ Huyện | | Phường/Xã | |
| (21) | | (22) | | (23) | | | | (24) | (25) | | (26) | | | (27) | | (28) | | | (29) | | (30) | | (31) | | | (32) | | | (33) | | (34) | |
| 1 | |  | |  | | | |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  | | |  | |  | |
| 2 | |  | |  | | | |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  | | |  | |  | |
| 3 | |  | |  | | | |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  | | |  | |  | |
| ... | |  | |  | | | |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  | | |  | |  | |

*(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)*

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

*...,ngày... tháng... năm...*

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

**CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.